

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

V/v bổ sung, điều chỉnh và ban hành Chiến lược phát triển  
Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Quyết định số 6591-QĐ/HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ kết luận của Hội nghị họp rà soát, bổ sung, điều chỉnh Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ,

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**Điều 2.** Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ, thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3,
- Lưu TC, VT.

GIÁM ĐỐC



*Trưởng Ngọc Nam*

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

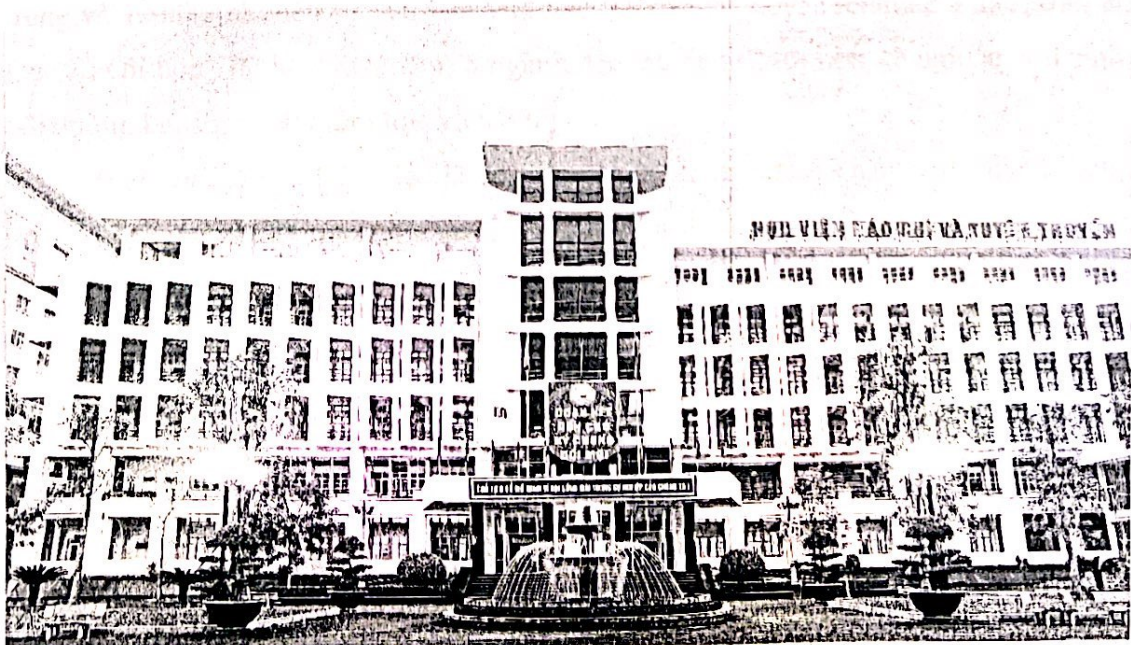


# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ/HVBCTT ngày tháng năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)



## MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU CHUNG.....	2
2. SỨ MỆNH, TÂM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI .....	4
3. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC .....	5
4. CHIẾN LƯỢC ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG.....	6
5. CHIẾN LƯỢC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC .....	8
6. CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC.....	10
7. CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC QUỐC TẾ.....	12
8. CHIẾN LƯỢC CƠ SỞ VẬT CHẤT .....	14
9. TỜ CHỨC THỰC HIỆN.....	15
10. BẢNG LƯỢNG HÓA CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC .....	17

## GIỚI THIỆU CHUNG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tiền thân là Trường Tuyên giáo Trung ương, được thành lập ngày 16/01/1962 theo Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, trên cơ sở thống nhất 3 trường: Trường Tuyên huấn, Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II, Trường Đại học nhân dân.

Trải qua hơn 55 năm xây dựng và phát triển, Học viện đã trở thành cơ sở đào tạo lý luận chính trị, báo chí và truyền thông lớn nhất tại Việt Nam. Ngày 25/6/2015, Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung Học viện vào mạng lưới các trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Bằng lao động khoa học nghiêm túc và sáng tạo, Học viện đã khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Học viện được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như: Huân chương Độc lập hạng Nhì (1992), Huân chương Độc lập hạng Nhất (2001), Huân chương Hồ Chí Minh (2007)...

Hiện nay Học viện có 32 ngành/chuyên ngành đại học, trong đó có 3 ngành/chuyên ngành chất lượng cao, 1 ngành liên kết quốc tế, mỗi năm tuyển sinh 2.200 sinh viên tập trung và 1.800 sinh viên hệ vừa làm vừa học; 19 ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, với hơn 500 học viên/năm; 6 ngành đào tạo tiến sĩ với hơn 30 nghiên cứu sinh; bồi dưỡng khoảng 5.000 lượt học viên/năm.

*Điểm mạnh* của Học viện là có lịch sử phát triển hơn 55 năm với truyền thống đoàn kết, thống nhất vì những mục tiêu chung. Là đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân, thương hiệu và uy tín xã hội của Học viện đã được khẳng định. Chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, giảng viên ngày càng được chuẩn hóa và tăng cường. Đảng uỷ, Ban Giám đốc lãnh đạo, quản lý toàn diện, sát sao, bảo đảm kỷ cương và dân chủ, khuyến khích sáng tạo, đổi mới.

*Hạn chế* của Học viện là phương thức quản lý đào tạo và chương trình đào tạo đổi mới chậm so với yêu cầu. Công tác bảo đảm chất lượng chưa được triển khai một cách hệ thống để định hình văn hóa chất lượng của nhà trường. Các công trình khoa học

có ý nghĩa quốc gia, công bố quốc tế còn ít. Điều kiện làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập chưa đồng bộ và hiện đại.

*Cơ hội* chủ yếu là Học viện nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và sự hợp tác chặt chẽ của các đối tác. Cùng với xu thế hội nhập quốc tế của đất nước, Học viện có cơ hội đa dạng hóa đối tác, tăng cường liên kết đào tạo quốc tế và triển khai các dự án nâng cao năng lực cán bộ và hiện đại hóa cơ sở vật chất. Mức độ và phạm vi tự chủ của Học viện ngày càng được nâng lên, giúp khai thác và tập trung các nguồn lực tốt hơn cho các mục tiêu chiến lược và các lĩnh vực ưu tiên.

Tuy nhiên, Học viện cũng đang đứng trước *nhiều thách thức* như yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh. Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động cần hội nhập với xu thế quản trị nhà trường hiện đại của thế giới. Hoạt động của Học viện chậm đổi mới hơn so với các trường đại học trọng điểm khác và tâm lý ngại đổi mới còn phổ biến. Yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng tăng trong khi các nguồn lực chưa được đầu tư tương xứng.

## **SỨ MỆNH, TÂM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

### **Sứ mệnh**

Là trường Đảng, trường đại học trọng điểm quốc gia, Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

### **Tầm nhìn 2050**

Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới. Cụ thể:

- Là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông
- Là trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.
- Là trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2035; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

### **Giá trị cốt lõi**

- Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.
- Dân chủ: là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.
- Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện
- Chất lượng: là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Nhà trường, hướng tới xây dựng văn hóa và truyền thống chất lượng.
- Công hiến: là thước đo, lối sống và lý tưởng của mọi cán bộ hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Nhà trường.

## **MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

### **Mục tiêu chiến lược**

Học viện Báo chí và Tuyên truyền phấn đấu trở thành trường đại học hàng đầu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông tại Việt Nam đến năm 2025; trung tâm nghiên cứu uy tín về báo chí và truyền thông tại khu vực Đông Nam Á đến năm 2035 và trường đại học được xếp hạng tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương đến năm 2050.

### **Mục tiêu chung**

Mục tiêu chiến lược được cụ thể hóa thành mục tiêu chung theo từng lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế và cơ sở vật chất. Theo đó, Học viện sẽ trở thành:

- Lựa chọn số 1 của sinh viên về báo chí và truyền thông, nơi sinh viên thực sự ở vị trí trung tâm của quá trình dạy học với những trải nghiệm tích cực;
- Trung tâm quốc gia về nghiên cứu tư tưởng-văn hóa, lý luận chính trị, báo chí và truyền thông, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành về những lĩnh vực này;
- Môi trường làm việc nhân văn, dân chủ và văn minh với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, nhóm chuyên gia đầu ngành và giảng viên đạt chuẩn;
- Đối tác quốc tế uy tín, trách nhiệm, trong đó hợp tác quốc tế trở thành đòn bẩy, giải pháp chiến lược thúc đẩy hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Cơ sở tích lũy và quản lý nguồn lực chiến lược để xây dựng môi trường làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập thân thiện, hiện đại và sáng tạo.

## CHIẾN LƯỢC ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG

**MỤC TIÊU TỔNG THỂ:** LỰA CHỌN SỐ 1 CỦA SINH VIÊN VỀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA, BÁO CHÍ VÀ TRUYỀN THÔNG. NƠI SINH VIÊN THỰC SỰ Ở VỊ TRÍ TRUNG TÂM CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC VỚI NHỮNG TRẢI NGHIỆM TÍCH CỰC, SÁNG TẠO

### MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp giỏi, tư duy phản biện và năng lực thích ứng và tìm kiếm việc làm trong môi trường xã hội không ngừng thay đổi.
- Xây dựng môi trường học tập thân thiện, khuyến khích phát triển năng lực và thúc đẩy trải nghiệm tích cực của người học, lấy sự hài lòng và thành công của người học làm thước đo chất lượng của Nhà trường.
- Phát triển hệ sinh thái các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo định hướng phát triển năng lực, chú trọng phương pháp nghiên cứu đối với các chương trình lý luận và kỹ năng thực hành đối với các chương trình nghiệp vụ.
- Đổi mới mô hình đào tạo theo hướng lấy chất lượng làm trọng tâm, giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa chất lượng và số lượng, giữa quy mô và trọng điểm, giữa đại trà và chất lượng cao.
- Thúc đẩy xây dựng văn hóa bảo đảm chất lượng, mọi hoạt động của Nhà trường tuân thủ các nguyên tắc, quy trình và bảo đảm chất lượng.

### KẾT QUẢ DỰ KIẾN

- Môi trường học tập:** Môi trường học tập thân thiện, khuyến khích năng lực sáng tạo, tính tích cực, tính chủ động. Sinh viên có không gian học tập mở cho việc tự học, nghiên cứu, học nhóm, thuyết trình, thực hành... tại các khu giảng đường, thư viện, khuôn viên Nhà trường. Các dịch vụ hỗ trợ học tập được thiết lập với tinh thần phục vụ sinh viên. Công nghệ thông tin được ứng dụng trong mọi hoạt động đào tạo, giúp kết nối môi trường học tập trực tiếp và trực tuyến để sinh viên học tập mọi lúc mọi nơi.



- ✘ **Chương trình đào tạo:** được duy trì ổn định đồng thời mở thêm một số chương trình chất lượng cao phục vụ nhiệm vụ chính trị và đáp ứng nhu cầu xã hội. Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới và hoàn thiện theo hướng thiết thực, hội nhập và hiện đại. Việc xây dựng, triển khai chương trình đào tạo gắn với khảo sát nhu cầu, đánh giá sự hài lòng của sinh viên và khảo sát ý kiến các bên liên quan.
- ✘ **Bảo đảm chất lượng:** Hệ thống bảo đảm chất lượng được xây dựng và chuẩn hóa nhằm bảo đảm mọi hoạt động đào tạo và bồi dưỡng tuân thủ nguyên tắc, quy trình và tiêu chuẩn chất lượng. Các quy định, quy chế, hướng dẫn bảo đảm chất lượng được phổ biến và định hướng toàn bộ hoạt động đào tạo của Nhà trường. Các chương trình đào tạo từng bước được kiểm định trong nước, khu vực và quốc tế.
- ✘ **Chương trình bồi dưỡng:** được chuẩn hóa và bám sát các lĩnh vực thế mạnh của Nhà trường như công tác Đảng, công tác tư tưởng, nghiệp vụ báo chí và truyền thông, truyền thông chính trị và truyền thông chính sách... Chương trình bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ, chứng nhận năng lực và phát triển nghề nghiệp cho các tổ chức chính trị và xã hội.
- ✘ **Sinh viên tốt nghiệp:** Ít nhất 90% sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau khi tốt nghiệp, trong đó ít nhất 60% sinh viên có việc làm phù hợp với chương trình đào tạo. Bằng cấp của Nhà trường không chỉ có giá trị học thuật mà còn có uy tín, giá trị xã hội, thực sự trở thành chìa khóa mở cánh cửa nghề nghiệp cho sinh viên.

## CHIẾN LƯỢC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**MỤC TIÊU TỔNG THỂ:** TRUNG TÂM QUỐC GIA VỀ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA, BÁO CHÍ VÀ TRUYỀN THÔNG, NƠI TẬP HỢP ĐỘI NGŨ CHUYÊN GIA ĐẦU NGÀNH VỀ NHỮNG LĨNH VỰC NÀY

### MỤC TIÊU CỤ THỂ

- ☑ Triển khai các đề tài cấp cơ sở gắn liền với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhằm hoàn thiện hệ thống giáo trình, sách tham khảo, tài liệu chuyên khảo và cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập.
- ☑ Triển khai các đề tài cấp bộ, cấp quốc gia có tính đột phá, có ý nghĩa chính trị và xã hội trong lĩnh vực lý luận chính trị, văn hóa - tư tưởng, báo chí và truyền thông nhằm tiếp tục hoàn thiện lý luận của Đảng và Nhà nước về lãnh đạo, quản lý, định hướng báo chí phát triển theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và nhân văn.
- ☑ Triển khai và gắn nghiên cứu với định hướng đào tạo, với nhu cầu xã hội và theo đơn đặt hàng của các tổ chức chính trị, kinh tế và xã hội, hướng tới phát triển lý luận, giải quyết các vấn đề thực tiễn, phục vụ đào tạo và phụng sự xã hội.
- ☑ Xây dựng và hợp tác triển khai các đề tài nghiên cứu quốc tế nhằm tăng cường hiện diện và tiếng nói khoa học quốc tế trong lĩnh vực báo chí và truyền thông; tăng cường số lượng, chất lượng các công trình công bố quốc tế.
- ☑ Xây dựng và phát triển tạp chí của Nhà trường trở thành tạp chí nghiên cứu chuyên ngành hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lý luận chính trị, báo chí và truyền thông, định hướng xây dựng tạp chí bằng tiếng Anh và phát triển thành tạp chí quốc tế.
- ☑ Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, hoàn thiện quy trình quản lý khoa học gắn liền với phát triển hệ sinh thái các lĩnh vực, định hướng và chủ đề nghiên cứu trọng điểm về tư tưởng - văn hóa, lý luận chính trị, báo chí và truyền thông hướng tới hình thành lý thuyết báo chí và truyền thông mang đặc sắc Việt Nam.
- ☑ Đa dạng hóa các sinh hoạt khoa học như tọa đàm, trao đổi thông tin, hội thảo khoa học trong nước, hội thảo khoa học quốc tế nhằm xây dựng các diễn đàn khoa học nghiêm túc, hữu ích, kết nối mạng lưới các chuyên gia đầu ngành trong nước và thế giới, thông qua đó khẳng định vị thế khoa học của Nhà trường.

## KẾT QUẢ DỰ KIẾN

- ✘ **Hệ thống đề tài và định hướng nghiên cứu:** Hệ thống đề tài và các định hướng nghiên cứu chính được xây dựng và cập nhật theo từng giai đoạn có sự kế thừa và phát triển làm cơ sở cho việc phân công, phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu trọng điểm, tránh lãng phí nguồn lực khoa học đồng thời tạo nền tảng cho các nghiên cứu lớn, dài hạn. Hệ thống đề tài bám sát các lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, lý luận chính trị, báo chí và truyền thông.
- ✘ **Nguồn lực khoa học:** Các nhóm nghiên cứu trọng điểm đủ khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu cấp bộ, cấp nhà nước và đề tài nghiên cứu quốc tế được thành lập. Ngân sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học được tăng cường và đa dạng hóa với tỷ lệ kinh phí xã hội hóa, kinh phí tài trợ quốc tế ngày càng tăng lên. Kinh phí được phân bổ dựa trên ý nghĩa lý luận, thực tiễn và tính mới của đề tài; từng bước hoàn thiện quy trình đấu thầu nội bộ để lựa chọn những đề tài có giá trị và đầu tư với nguyên tắc “quý hồ tinh, bất quý hồ đa”.
- ✘ **Cơ sở dữ liệu:** Công nghệ thông tin được khai thác để xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học phục vụ nghiên cứu và giảng dạy. Việc quản lý, lưu trữ đề tài, hồ sơ khoa học, minh chứng khoa học được điện tử hóa làm cơ sở để thống kê, xác minh, tổng kết, xây dựng chiến lược khoa học trung hạn và dài hạn. Cơ sở dữ liệu được xây dựng như hợp phần hữu cơ của hệ thống quản lý tổng thể của Học viện.
- ✘ **Hội thảo khoa học:** Hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế được xây dựng theo các kế hoạch 5 năm, gắn với các định hướng nghiên cứu chính và chương trình hợp tác trọng điểm. Hội thảo là diễn đàn kết nối các chuyên gia đầu ngành trong nước và quốc tế để làm sáng tỏ, phát triển lý luận và khẳng định vị thế học thuật của Nhà trường trong việc định hình, định hướng khoa học trong các lĩnh vực thuộc thế mạnh.
- ✘ **Tạp chí khoa học:** Tạp chí được quy chuẩn hóa, là nơi công bố những nghiên cứu có giá trị của các nhà khoa học trong và ngoài Học viện. Quy chuẩn và chính sách biên tập được xây dựng làm cơ sở cho việc tuyển chọn và duyệt bài. Hệ thống các chuyên mục được định hình theo các hướng nghiên cứu chính của Học viện; mở các chuyên đề có tính thời sự để thúc đẩy các cuộc trao đổi khoa học về những vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng.

## CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC

**MỤC TIÊU TỔNG THỂ:** MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC NHÂN VĂN, DẪN CHU VÀ VĂN MINH VỚI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CHUYÊN NGHIỆP, NHÓM CHUYÊN GIA ĐẦU NGÀNH VÀ GIẢNG VIÊN ĐẠT CHUẨN.

### MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, tăng cường tính đồng bộ của hệ thống, phát huy được tính trách nhiệm, chủ động của người lao động.
- Xây dựng văn hóa tổ chức nhân văn, dân chủ và văn minh, trong đó cán bộ, giảng viên tự hào là cán bộ của Học viện. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực trở thành phúc lợi và nghĩa vụ đối với giảng viên.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, có năng lực quản trị nhà trường hiện đại, có khả năng dự báo chiến lược và quản lý sự thay đổi nhằm phát triển Học viện theo các định hướng chiến lược.
- Chuẩn hóa và tăng cường đội ngũ giảng viên giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề, thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ để hỗ trợ, thúc đẩy quá trình học tập của sinh viên
- Phát triển nhóm chuyên gia đầu ngành có khả năng định hướng chuyên môn trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông, trong đó có những chuyên gia có khả năng tham gia giảng dạy quốc tế, nghiên cứu quốc tế.

### KẾT QUẢ DỰ KIẾN

- Bộ máy tổ chức:** Đến 2018, bộ máy Học viện được hoàn thiện theo hướng tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ các đơn vị, tránh chồng chéo, trùng lặp. Cơ chế Hội đồng trường được vận hành với tư cách là cơ quan thực quyền cao nhất của Học viện trong việc hoạch định chiến lược, xây dựng định hướng phát triển và xây dựng chính sách.
- Môi trường làm việc:** Môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh trong đó, việc trở thành cán bộ của Học viện là một niềm tự hào; hiệu quả

công tác là thước đo năng lực và đóng góp của cán bộ; cán bộ được tạo điều kiện phát triển bản thân, làm việc với tinh thần trách nhiệm, cống hiến cho sự phát triển của Nhà trường.

✘ **Đội ngũ cán bộ:** Đội ngũ cán bộ được chuẩn hóa với cơ cấu hợp lý về vị trí việc làm, trình độ, độ tuổi, trong đó cán bộ quản lý được đào tạo bài bản, được thử thách qua thực tiễn; giảng viên giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề. Số cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư ngày càng tăng lên, với ít nhất 70% giảng viên Học viện có trình độ tiến sĩ, trong đó ít nhất 40% có học hàm phó giáo sư, giáo sư.

✘ **Cán bộ tinh hoa:** Một số cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên được lựa chọn, thử thách, bồi dưỡng, phát triển trở thành những chuyên gia đầu ngành của Học viện trong các lĩnh vực chuyên môn. Những chuyên gia này có năng lực xây dựng, triển khai các đề tài cấp bộ, cấp nhà nước đồng thời tham gia giảng dạy, nghiên cứu quốc tế nhằm mở rộng tầm ảnh hưởng của Học viện trong khu vực và trên thế giới.

✘ **Chính sách cán bộ:** Chính sách tuyển dụng, đãi ngộ, đánh giá, sử dụng, bồi dưỡng cán bộ được xây dựng và hoàn thiện để cải thiện môi trường làm việc, tăng cường động lực, giải phóng quan hệ lao động và thúc đẩy năng suất, hiệu quả lao động. Học viện tiến tới đánh giá kết quả công tác theo hệ thống chỉ số kết quả công việc (KPI), từng bước phân hóa thu nhập theo kết quả, năng suất lao động.

## CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC QUỐC TẾ

**MỤC TIÊU TỔNG THỂ:** PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN TRỞ THÀNH ĐỐI TÁC QUỐC TẾ UY TÍN, TRÁCH NHIỆM, TRONG ĐÓ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRỞ THÀNH ĐÒN BẨY, GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC THÚC ĐẨY HỢP TÁC ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

### MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Xây dựng hình ảnh Học viện như một đối tác có trách nhiệm, cam kết, đáng tin cậy, nơi thu hút các chuyên gia quốc tế uy tín đến giảng dạy, trao đổi học thuật, tọa đàm khoa học và phối hợp nghiên cứu.
- Mở rộng mạng lưới quan hệ quốc tế với các nước trên thế giới trên nền tảng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi, chú trọng tăng cường mối quan hệ truyền thống đồng thời thúc đẩy các quan hệ chiến lược, bền vững
- Đa dạng hóa chương trình hợp tác theo các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Học viện nhằm tăng cường vị thế của Học viện trong khu vực và trên thế giới, tranh thủ nguồn lực nước ngoài để nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao năng lực cán bộ
- Tăng cường liên kết đào tạo các chương trình Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ trong các lĩnh vực nghiệp vụ, phù hợp với thế mạnh và định hướng phát triển của Nhà trường như giải pháp mang tính đột phá để tiếp cận các mô hình giáo dục tiên tiến và nâng cao năng lực quản trị nhà trường theo hướng hội nhập, hiện đại
- Trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khu vực về một số lĩnh vực mà Học viện có thế mạnh, từ đó khởi xướng và hợp tác triển khai các nghiên cứu quốc tế đồng thời trở thành nơi thu hút sinh viên quốc tế đến học tập và trao đổi.

### KẾT QUẢ DỰ KIẾN

- Mạng lưới quan hệ:** Quan hệ hợp tác được mở rộng với các đối tác trên toàn thế giới đồng thời phát triển theo chiều sâu với một số đối tác tại Đông Á, Trung Âu và Bắc Mỹ. Mạng lưới các chuyên gia theo các lĩnh vực chính trị, báo chí và truyền thông được tăng cường, sẵn sàng tham gia giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi

chuyên môn với Nhà trường. Quan hệ được xây dựng và phát triển dựa trên sự tin tưởng, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi.

✘ **Trao đổi quốc tế:** Các chương trình trao đổi giảng viên, trao đổi sinh viên được thiết lập và thực hiện thường xuyên với các trường đại học trong khu vực và thế giới. Các đoàn ra và đoàn vào được tăng cường về số lượng và chất lượng với nguồn kinh phí tài trợ ngày càng tăng lên. Các chương trình đào tạo chất lượng cao và chương trình quốc tế có các tín chỉ được công nhận quốc tế để thúc đẩy sự năng động của sinh viên.

✘ **Hạng mục hợp tác:** Các chương trình hợp tác được đa dạng hóa, gồm chương trình liên kết đào tạo, chương trình bồi dưỡng quốc tế, đề tài nghiên cứu và hội thảo khoa học quốc tế, đề án tăng cường năng lực... Các chương trình hợp tác được phát triển theo nhu cầu, năng lực với các đối tác phù hợp trong các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Nhà trường. Nguyên tắc đa dạng hóa hạng mục hợp tác là một hạng mục một đối tác, tránh xung đột lợi ích.

✘ **Liên kết quốc tế:** Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế cấp bằng Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ được phát triển trong các lĩnh vực thế mạnh của Nhà trường với các đối tác có uy tín, năng lực và cam kết hợp tác trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi. Chương trình liên kết quốc tế không chỉ tăng thêm nguồn thu mà còn là đòn bẩy, giải pháp thúc đẩy đổi mới các chương trình đào tạo trong nước.

✘ **Nghiên cứu quốc tế:** Chủ trì và phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu quốc tế trong các lĩnh vực khoa học chính trị, báo chí và truyền thông. Các nhóm nghiên cứu mạnh trong từng lĩnh vực được xây dựng, có khả năng tiến hành các nghiên cứu so sánh, phối hợp thực hiện các nghiên cứu chung và tham gia các sinh hoạt khoa học quốc tế.

## CHIẾN LƯỢC CƠ SỞ VẬT CHẤT

**MỤC TIÊU TỔNG THỂ:** TĂNG CƯỜNG TÍCH LŨY VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỰC CHIẾN LƯỢC ĐỂ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC, GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP THÂN THIỆN, HIỆN ĐẠI VÀ SÁNG TẠO.

### MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Hoàn thiện quy hoạch tổng thể của Học viện đến năm 2050 làm cơ sở cho việc tích lũy nguồn lực chiến lược, hoàn thiện cơ sở vật chất theo từng giai đoạn nhằm xây dựng môi trường làm việc, giảng dạy và học tập hiện đại, thân thiện và văn minh
- Tăng cường tích lũy chiến lược về nguồn lực thông qua việc từng bước nâng cao tự chủ tài chính, đa dạng hóa nguồn thu, mở rộng nguồn vốn xã hội hóa phù hợp với quy định pháp luật nhằm bảo đảm thu nhập cho cán bộ và hiện đại hóa cơ sở vật chất.
- Phân bổ nguồn lực tài chính hợp lý, sử dụng hiệu quả, minh bạch và đúng quy định, đảm bảo đáp ứng thực hiện chiến lược đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác của Nhà trường với quy mô ngày càng phát triển.
- Xây dựng theo quy hoạch hệ thống nhà chức năng, khu giảng đường, phòng học đa năng, hiện đại và đồng bộ, tạo ra môi trường làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập sáng tạo, cởi mở và tích cực.
- Xây dựng thư viện truyền thống và trực tuyến với hệ thống tài liệu, cơ sở dữ liệu đầy đủ, cập nhật phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, nghiên cứu đồng thời khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu.

### KẾT QUẢ DỰ KIẾN

- Quy hoạch tổng thể:** Quy hoạch tổng thể khuôn viên Học viện đến năm 2050 được hoàn thành và phê duyệt, làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ và tích lũy nguồn lực để hiện đại hóa Nhà trường. Quy hoạch được triển khai thành kế hoạch 15 năm, 10 năm và 5 năm để bảo đảm việc đầu tư cơ sở vật chất có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, lãng phí.



- ✘ **Giảng đường và các phòng chức năng:** Các giảng đường được xây dựng và sử dụng theo khối ngành và chương trình đào tạo, bảo đảm đủ phòng học cho các mục đích khác nhau. Các phòng đa năng, studio được xây dựng hiện đại phục vụ các nhu cầu học tập, thực hành và giảng dạy khác nhau. Hệ thống quản lý giảng đường được ứng dụng công nghệ và tích hợp vào hệ thống điều hành chung của Nhà trường.
- ✘ **Thư viện:** Thư viện được xây dựng hiện đại với hệ thống giáo trình, sách giáo khoa, sách chuyên khảo, sách tham khảo, tạp chí... đầy đủ, cập nhật phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Hệ thống dữ liệu trực tuyến được xây dựng trong tổng thể hệ thống điều hành của Nhà trường để quản lý và hỗ trợ học tập đến từng sinh viên. Ngoài giảng đường, thư viện trở thành nơi học tập, nghiên cứu thuận tiện của sinh viên.
- ✘ **Nguồn lực tài chính:** Nguồn lực tài chính được tăng cường, đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác của Nhà trường. Nguồn lực được phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả và đúng quy định, góp phần nâng cao thu nhập cho cán bộ, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính.
- ✘ **Tích lũy chiến lược:** Đa dạng hóa nguồn thu, tăng cường các nguồn xã hội hóa trên cơ sở xây dựng mô hình đào tạo hợp lý của Nhà trường, giải quyết mối quan hệ giữa quy mô và chất lượng, từ đó tạo ra tích lũy chiến lược cho phát triển đội ngũ, đầu tư các dự án trọng điểm và hiện đại hóa cơ sở vật chất.

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050 được thực hiện thông qua các kế hoạch 5 năm và được cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ từng năm của Học viện, được phổ biến rộng rãi đến từng đơn vị để làm cơ sở thực hiện.

Chiến lược là cơ sở để Đảng ủy Học viện định hướng, chỉ đạo xây dựng kế hoạch hành động thông qua việc xác định các chỉ tiêu phát triển và ban hành các nghị quyết chuyên đề cụ thể phù hợp với từng thời kỳ.

Các đơn vị trong Học viện xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ từng năm của đơn vị trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Học viện và tổ chức triển khai kế hoạch đề ra. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên chủ động xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Học viện.

Định kỳ, Học viện tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược, từ đó xác định, điều chỉnh mục tiêu và kết quả dự kiến trong giai đoạn tiếp theo phù hợp với thực tiễn.



GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Nam

**PHỤ LỤC:**

**BẢNG LƯỢNG HÓA CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN THEO TỪNG LĨNH VỰC**  
**Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035**

**1. ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG**

TT	Chỉ tiêu	2018	2025	2035
1.	Sinh viên đại học chính quy và vừa làm vừa học	1.800	2.200	2.500
2.	Sinh viên sau đại học	550	700	1000
3.	Chương trình đào tạo Cử nhân chính quy	33	45	45
4.	Chương trình đào tạo chất lượng cao	5	10	15
5.	Chương trình đào tạo Cử nhân vừa làm vừa học	23	25	25
6.	Chương trình đào tạo Thạc sĩ	20	25	25
7.	Chương trình đào tạo Tiến sĩ	6	10	15
8.	Chương trình liên kết đào tạo quốc tế đại học	1	2	5
9.	Chương trình liên kết đào tạo quốc tế sau đại học	0	2	5
10.	Chương trình bồi dưỡng Tin học	2	3	5
11.	Chương trình bồi dưỡng Ngoại ngữ	2	3	5
12.	Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ	10	15	20

**2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

TT	Chỉ tiêu	2018	2025	2035
1.	Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên mỗi năm (đề tài/năm)	29	80	100
2.	Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học	3%	≥ 20%	≥ 25%
3.	Tỷ lệ học viên cao học và nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động khoa học	20%	≥ 40	≥ 45%
4.	Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học của sinh viên trong tổng nguồn thu học phí của Học viện	0,54	3%	3,2%
5.	Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến	4,5%	5%	5,2%

TT	Chỉ tiêu	2018	2025	2035
	khích hoạt động khoa học và công nghệ			
6.	Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trọng điểm mỗi năm (đề tài/năm)	18	≥ 20	≥ 30
7.	Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở mỗi năm (đề tài/năm)	109	≥110	≥120
8.	Đề tài nghiên cứu cấp bộ mỗi năm (đề tài/năm)	3	≥3	≥5
9.	Đề tài nghiên cứu cấp quốc gia mỗi năm (đề tài/năm)	2	≥1	≥2
10.	Đề tài nghiên cứu quốc tế	1	3	5
11.	Hội thảo khoa học quốc gia mỗi năm	1	1	1 đến 2
12.	Hội thảo khoa học quốc tế mỗi năm	2	2	2
13.	Số bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước (hoặc tương đương) mỗi năm	336	≥ 350	≥ 360
14.	Số công trình công bố quốc tế mỗi năm	15	≥ 20	≥ 30
15.	Giảng viên đạt và vượt định mức nghiên cứu khoa học	90	≥95%	≥98%
16.	Số sách được xuất bản mỗi năm, bao gồm sách giáo trình	46 sách (20 giáo trình)	≥ 80 sách ≥ 25 giáo trình	≥ 100 sách ≥ 30 giáo trình

### 3. TỔ CHỨC CÁN BỘ

TT	Chỉ tiêu	2018	2025	2035
1.	Số giảng viên	261	290	305
2.	Số giảng viên là PGS, GS	41	50	73
3.	Số giảng viên là TS	74	98	111
4.	Số giảng viên là Thạc sĩ	138	142	121
5.	Số giảng viên là Cử nhân	8	2	0

TT	Chỉ tiêu	2018	2025	2035
6.	Tỷ lệ giảng viên thường sử dụng ngoại ngữ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu (từ 60-80% thời gian của công việc)	25%	35%	50%
7.	Tỷ lệ giảng viên thường sử dụng tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu (từ 60-80% thời gian của công việc)	26.5%	50%	75%

#### 4. HỢP TÁC QUỐC TẾ

TT	Chỉ tiêu	2018	2025	2035
1.	Số biên bản ghi nhớ ký kết với đối tác nước ngoài	10	20	30
2.	Số giảng viên nước ngoài đến giảng dạy	15	24	24
3.	Chương trình trao đổi sinh viên	1	5	8
4.	Chương trình trao đổi giảng viên	1	2	5
5.	Số đoàn ra kinh phí thường xuyên mỗi năm	3	6	6
6.	Số đoàn ra kinh phí tài trợ mỗi năm	6	12	24
7.	Số đoàn vào kinh phí thường xuyên mỗi năm	28	35	50
8.	Số đoàn vào kinh phí tài trợ mỗi năm	7	14	20
9.	Chương trình, đề án hợp tác quốc tế nhằm tăng cường cơ sở vật chất	2	2	4
10.	Chương trình, đề án hợp tác quốc tế nhằm tăng cường năng lực cán bộ	2	2	4

#### 5. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI CHÍNH

TT	Chỉ tiêu	2018	2025	2035
1.	Diện tích giảng đường, ký túc xá	24.000	33.000	43.000
2.	Phòng học, giảng đường	90	125	135
3.	Studio	8	15	25

4.	Số phòng ký túc xá	300	420	530
5.	Tỷ lệ kinh phí cấp từ ngân sách	60%	55%	50%
6.	Tỷ lệ kinh phí tự chủ	40%	45%	50%